

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TH PHẠM NGŨ LÃO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/QĐ-THPNL

Gò Vấp, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2024 của
Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả thu chi ngân sách quý 1 năm 2024 của Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão;

Xét đề nghị của kế toán trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2024 của trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Bích Thuận

Trường TH Phạm Ngũ Lão

Chương: 622

DÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2024

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện Quý I năm 2023	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý I năm 2024	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
		1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.674.128.140	14.305.769.132	1.823.931.486	0,13	1,09
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	50.714.881	13.333.425.132	1.823.931.486	0,14	60,18
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)	25.336.800	6.200.037.538	1.524.801.740	0,25	60,18
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)	25.378.081	7.133.387.594	299.129.746	0,04	11,79
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.623.413.259	972.344.000	-	-	-
	- KP hoạt động	1.623.413.259	186.944.000	-	-	-
	- Mua sắm máy vi tính	-	225.000.000	-	-	-
	- KP sửa chữa	-	510.000.000	-	-	-
	- KP bồi dưỡng thường xuyên	-	50.400.000	-	-	-

Gia Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2024

Hiệu trưởng



Trần Thị Bích Thuận

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2024

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2024

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2023 chuyển sang	23.346.538	1.381.887.594	-	1.405.234.132
Dự toán giao trong năm 2024	6.176.691.000	5.751.500.000	972.344.000	12.900.535.000
Dự toán đã sử dụng	1.524.801.740	299.129.746	-	1.823.931.486
+ Quý 1	1.524.801.740	299.129.746	-	1.823.931.486
+ Quý 2				-
+ Quý 3				
+ Quý 4				
Tồn cuối kỳ	4.675.235.798	6.834.257.848	972.344.000	12.481.837.646

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 1/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	5	6
		1.524.801.740	1.524.801.740
6000	Tiền lương	735.151.100	735.151.100
6001	Lương theo ngạch bậc	735.151.100	735.151.100
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	58.155.078	58.155.078
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	58.155.078	58.155.078
6100	Phụ cấp lương	385.890.332	385.890.332
6101	Phụ cấp chức vụ	10.728.000	10.728.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	250.356.505	250.356.505
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	1.788.000	1.788.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	123.017.827	123.017.827
6300	Các khoản đóng góp	217.857.230	217.857.230
6301	Bảo hiểm xã hội	162.234.107	162.234.107
6302	Bảo hiểm y tế	27.811.563	27.811.563
6303	Kinh phí công đoàn	18.541.041	18.541.041
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	9.270.519	9.270.519
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	114.768.000	114.768.000
6449	Chi khác	114.768.000	114.768.000
6700	Công tác phí	9.000.000	9.000.000
6704	Khoản công tác phí	9.000.000	9.000.000

7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	3.980.000	3.980.000
7004	Đồng phục; trang phục; bảo hộ lao động	3.980.000	3.980.000

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :

- Tăng lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP : 299.129.746 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12):

Người lập



Hoàng Thị Kim Anh

Gò Vấp, ngày 31 tháng 03 năm 2024

Hiệu trưởng



Trần Thị Bích Thuận